

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HOÀ VANG  
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/DS-ST  
Ngày 20 tháng 12 năm 2023  
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ VANG - TP. ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Huỳnh Thị Thu Thương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Hùng

Bà Lê Thị Hoàng Thương

**- Thư ký phiên toà:** Bà Phan Thị Quỳnh Như – là Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 20/12/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2023/QĐXXST-DS ngày 06/12/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị P, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện H, tp Đà Nẵng. Có mặt

Bị đơn: Ông Trần L, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 9, thôn Q, xã H, huyện H, tp Đà Nẵng. Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2023, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 15/11/2023 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Phạm Thị P trình bày:

Do quen biết với ông Trần L nên khi ông L gặp khó khăn ngỏ lời mượn bà số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), trong thời hạn 01 tháng sẽ trả đủ thì bà đã giao cho ông L mượn số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Đồng thời để tạo niềm tin thì ông L có viết giấy mượn tiền đề ngày 02/8/2022, thời hạn vay là 01 tháng và hai bên thỏa thuận lãi suất theo lãi suất của ngân hàng. Sau đó đến hạn trả nợ thì ông L khát nợ và xin trả dần tiền gốc, tiền lãi theo tháng tuy nhiên từ ngày 02/7/2023 đến nay ông L không trả tiền gốc và tiền lãi hằng tháng đúng hạn. Quá thời hạn trả nợ, bà đã nhiều lần liên hệ ông L đòi tiền thì ông L có trả cho bà số tiền 300.000.000đ và hiện

tại còn nợ lại bà số tiền gốc 700.000.000đ và tiền lãi tính từ 02/7/2023 đến ngày 02/11/2023 tạm tính là 5 tháng theo mức lãi suất 10%/năm trên số tiền gốc 700.000.000đ tương đương số tiền 29.166.000đ. Do ông L nhiều lần cam kết và hứa hẹn nhưng không thực hiện trả nợ đúng cam kết nên bà khởi kiện yêu cầu ông L trả số tiền còn nợ cho bà.

Bà P yêu cầu ông Trần L trả lại cho bà số tiền gốc 700.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả kể từ 02/7/2023 đến ngày 02/11/2023 tạm tính là 5 tháng theo mức lãi suất 10%/năm tương đương số tiền 29.166.000đ và trả tiền lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án. Tổng số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 02/11/2023 là 729.166.000đ, yêu cầu tiếp tục tính lãi tiếp theo từ ngày 02/11/2023 cho đến khi kết thúc vụ án.

\* Tại bản tự khai ngày 01/11/2023, biên bản hòa giải ngày 15/11/2023, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Trần L trình bày:

Ông xác nhận ngày 02/8/2022 có mượn bà Phạm Thị P số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) theo giấy mượn tiền. Khi mượn ông có viết giấy mượn tiền và hẹn thời hạn trả là 01 tháng nhưng sau đó ông xin trả dần tiền gốc và xin trả lãi hằng tháng, lần trả lãi cuối cùng là vào tháng 6/2023 trả 6.000.000đ. Tính cho đến nay thì ông đã trả cho bà P số tiền gốc 300.000.000đ, còn nợ lại 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng). Khi mượn tiền bà P thì ông đã cho người khác vay để lấy lãi hằng tháng, do làm ăn thua lỗ ông không thu hồi được tiền vốn nên mới không có tiền trả cho bà P, từ ngày 02/7/2023 đến nay ông không trả lãi đúng hạn.

Nay bà P yêu cầu ông trả số tiền gốc còn nợ là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi thì ông đồng ý trả nợ cho bà P, tuy nhiên do người khác hẹn ông cuối năm mới trả bớt nợ nên ông chưa thể trả tiền ngay lúc này cho bà P được, ông xin trả dần thành 03 đợt, cụ thể: đợt 1 trả 200.000.000đ vào cuối tháng 12 âm lịch năm 2023, đợt 2 trả 250.000.000đ vào tháng 6/2024, đợt 3 trả 250.000.000đ vào cuối năm 2024 và hẹn từ ngày 02/12/2023 ông trả lãi hằng tháng là 7.000.000đ cho bà P, đối với số tiền lãi từ ngày 02/7/2023 đến ngày 02/12/2023 thì ông xin bà P miễn cho ông.

\* Tài liệu, chứng cứ của vụ án gồm: Giấy mượn tiền ngày 02/8/2022 (bản gốc), bản photo căn cước công dân bà Phạm Thị P, ông Trần L, 02 Bản tự khai của bà P, ông L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

[2] Bà Phạm Thị P và ông Trần L có quan hệ quen biết nhau, ngày 02/8/2022 ông Trần L mượn của bà P số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), hai bên có viết giấy

mượn tiền đề ngày 02/8/2022, thời hạn vay là 01 tháng và tự thỏa thuận lãi suất theo lãi suất của ngân hàng. Sau đó đến hạn trả nợ thì ông L khát nợ và xin trả dần tiền gốc, tiền lãi hằng tháng, tuy nhiên từ ngày 02/7/2023 đến nay ông L không trả tiền gốc và tiền lãi hằng tháng đúng hạn. Trong thời gian từ ngày đến hạn trả nợ đến nay, bà P đã nhiều lần liên hệ ông L để đòi tiền thì ông L mới chỉ trả cho bà số tiền gốc 300.000.000đ và hiện tại còn nợ lại bà số tiền gốc 700.000.000đ và tiền lãi tính từ 02/7/2023 đến nay. Do ông L nhiều lần cam kết và hứa hẹn nhưng không thực hiện trả nợ đúng cam kết nên bà khởi kiện yêu cầu ông L trả số tiền gốc còn nợ cho bà và trả lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ 02/7/2023 cho đến khi kết thúc vụ án trên số tiền gốc 700.000.000đ.

Xét thấy, giao dịch dân sự vay tiền giữa bà P và ông L được xác lập là hoàn toàn tự nguyện nên có hiệu lực pháp luật. Khi đến thời hạn trả nợ ông L không trả và hứa hẹn nhiều lần, từ ngày 02/7/2023 đến nay ông L không trả lãi đúng thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó yêu cầu khởi kiện của bà P buộc ông L thanh toán số tiền gốc 700.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 02/7/2023 đến khi kết thúc vụ án là có cơ sở, đúng quy định pháp luật. Quá trình thực hiện giao dịch các bên thỏa thuận lãi suất theo mức lãi suất của ngân hàng nhưng không xác định rõ lãi suất, do đó bà P yêu cầu Tòa án tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự buộc ông Trần L phải trả dứt điểm một lần cho bà Phạm Thị P số tiền gốc là 700.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 02/7/2023 đến ngày 20/12/2023 là 6 tháng 19 ngày theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền là: 38.694.444đ. Tổng cộng số tiền ông Trần L phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị P là 738.694.444đ (Bảy trăm ba mươi tám triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm ông Trần L phải chịu theo qui định của pháp luật là 33.547.777đ (Ba mươi ba triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng)  $[20.000.000đ + (738.694.444đ - 400.000.000đ) \times 4\% = 33.547.777đ]$ .

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P đối với ông Trần L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Xử:

**1.** Buộc ông Trần L phải trả cho bà Phạm Thị P số tiền gốc 700.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 02/7/2023 đến ngày 20/12/2023 là 38.694.444đ. Tổng cộng là 738.694.444đ (*Bảy trăm ba mươi tám triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng*).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

**2.** Án phí dân sự sơ thẩm ông Trần L phải chịu theo qui định của pháp luật là 33.547.777đ (*Ba mươi ba triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng*). Hoàn trả cho bà Phạm Thị P số tiền tạm ứng án phí 16.583.320đ (*Mười sáu triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm hai mươi đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0000549 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay, ngày 20/12/2023.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Những người TGTT;
- VKSND h. Hoà Vang;
- Chi cục THADS h. Hoà Vang;
- Lưu hồ sơ;

(đã ký)

**Huỳnh Thị Thu Thương**



